

**TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ**

Cho kỳ kết thúc ngày ngày 30 tháng 6 năm 2020

---

Tháng 7 năm 2020



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	3-4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	7-19

**BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

Tổng Giám đốc Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Bà Mai Kiều Liên	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 15 tháng 02 năm 2020)
Ông Nguyễn Hồng Anh	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 15 tháng 02 năm 2020)
Ông Trịnh Quốc Dũng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15 tháng 02 năm 2020)
Ông Trần Chí Sơn	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15 tháng 02 năm 2020)
Ông Trần Công Chiên	Thành viên (miễn nhiệm ngày 15 tháng 02 năm 2020)

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Phạm Tuyên	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2020)
Ông Nguyễn Hồng Anh	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2020)
Ông Trần Công Chiên	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2020)

**TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Phạm Tuyên**

Tổng giám đốc  
Ngày 29 tháng 7 năm 2020



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2020	01/01/2020
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>551.695.467.870</b>	<b>519.485.304.693</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>2.616.786.768</b>	<b>260.058.498.363</b>
1. Tiền	111		2.616.786.768	138.647.624.566
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	121.410.873.797
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>530.000.000.000</b>	<b>206.366.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		530.000.000.000	206.366.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>18.251.046.214</b>	<b>50.205.379.262</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	1.052.024.654	813.179.953
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		231.699.191	175.422.915
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		150.000.000	1.850.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	18.096.945.978	50.346.400.003
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.279.623.609)	(2.979.623.609)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>64.939.329</b>	<b>64.939.329</b>
1. Hàng tồn kho	141		64.939.329	64.939.329
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>762.695.559</b>	<b>2.790.487.739</b>
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		752.353.839	699.913.748
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	8	10.341.720	2.090.573.991
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>329.546.095.896</b>	<b>337.498.320.248</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>24.935.935.759</b>	<b>26.552.042.351</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	24.935.935.759	26.552.042.351
- Nguyên giá	222		152.032.164.504	152.032.164.504
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(127.096.228.745)	(125.480.122.153)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		299.000.000	299.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(299.000.000)	(299.000.000)
<b>II. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5</b>	<b>304.432.105.739</b>	<b>310.764.915.258</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		273.674.217.765	273.674.217.765
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		28.802.690.914	33.424.635.760
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		29.761.912.327	32.378.797.458
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5	(27.806.715.267)	(28.712.735.725)
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>178.054.398</b>	<b>181.362.639</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		69.872.164	46.134.845
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		108.182.234	135.227.794
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> <b>(270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>881.241.563.766</b>	<b>856.983.624.941</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị: VND

<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2020</b>	<b>01/01/2020</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>36.446.141.649</b>	<b>30.110.038.905</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>36.446.141.649</b>	<b>30.110.038.905</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311		298.216.963	80.810.641
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	10	1.529.612.900	1.509.612.900
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	8	1.474.208.594	1.392.096.227
Phải trả người lao động	314		239.421.563	44.562.470
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		181.496.250	181.496.250
Phải trả ngắn hạn khác	319	11	6.095.480.887	5.940.370.297
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	12	1.431.755.520	1.145.598.720
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	13	25.195.948.972	19.815.491.400
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>844.795.422.117</b>	<b>826.873.586.036</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>14</b>	<b>844.795.422.117</b>	<b>826.873.586.036</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		631.010.000.000	631.010.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		631.010.000.000	631.010.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		40.851.017.209	31.575.087.921
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		172.934.404.908	164.288.498.115
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		111.586.411.256	71.529.205.234
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		61.347.993.652	92.759.292.881
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>881.241.563.766</b>	<b>856.983.624.941</b>



**Hoàng Thị Hà**  
Phụ trách kế toán



**Phạm Tuyên**  
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 7 năm 2020




**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**


Cho kỳ kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II/2020	Quý II/2019	6 tháng năm 2020	6 tháng năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	880.380.398	6.819.423.193	1.720.057.229	15.496.475.744
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		880.380.398	6.819.423.193	1.720.057.229	15.496.475.744
3. Giá vốn hàng bán	11	17	574.545.676	7.207.046.869	1.115.067.421	15.177.125.078
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		305.834.722	(387.623.676)	604.989.808	319.350.666
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	10.488.898.208	27.015.495.374	68.260.339.443	53.774.083.919
6. Chi phí tài chính	22	20	738.997.681	976.479.161	738.997.681	1.175.931.215
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	423.835.617	-	623.287.671
7. Chi phí bán hàng	25		-	141.201.884	-	373.170.202
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	788.408.789	2.184.343.868	4.716.684.230	5.065.450.534
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		9.267.326.460	23.325.846.785	63.409.647.340	47.478.882.634
10. Thu nhập khác	31		271.912.125	3.707.343.821	533.324.487	3.887.017.317
11. Chi phí khác	32		121.842.539	184.510.867	154.109.448	282.969.110
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		150.069.586	3.522.832.954	379.215.039	3.604.048.207
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		9.417.396.046	26.848.679.739	63.788.862.379	51.082.930.841
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	22	1.957.948.356	963.425.943	2.413.823.168	963.425.943
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		13.522.779	13.522.779	27.045.558	27.045.558
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		7.445.924.911	25.871.731.017	61.347.993.653	50.092.459.340

  
**Hoàng Thị Hà**  
Phụ trách kế toán



  
**Phạm Tuyên**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 29 tháng 7 năm 2020


**TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM – CTCP**

Số 519 Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
Cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	6 tháng năm 2020	6 tháng năm 2019
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	63.788.862.379	51.082.930.841
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.616.106.592	1.619.934.028
Các khoản dự phòng	03	(2.319.863.658)	552.643.545
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(66.615.221.304)	(53.824.083.919)
Chi phí lãi vay	06	-	623.287.670
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(3.530.115.991)	54.712.165
Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09	2.255.334.223	(46.690.259.034)
Tăng hàng tồn kho	10	-	(5.804.679.066)
(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(2.161.040.526)	(766.787.537)
Tăng chi phí trả trước	12	(23.737.319)	(120.484.545)
Tiền lãi vay đã trả	14	-	(623.287.670)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(185.099.998)	(894.899.667)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>(3.644.659.611)</b>	<b>(54.845.685.354)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	50.000.000
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(530.000.000.000)	(171.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	208.066.000.000	200.000.000.000
4. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	4.892.024.084	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	100.688.818.201	10.661.134.026
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>(216.353.157.715)</b>	<b>39.711.134.026</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	35.000.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(35.000.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(37.443.894.270)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>(37.443.894.270)</b>	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	50	<b>(257.441.711.596)</b>	<b>(15.134.551.328)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	60	<b>260.058.498.363</b>	<b>16.959.925.922</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>	70	<b>2.616.786.768</b>	<b>1.825.374.594</b>

  
Hoàng Thị Hà  
Phụ trách kế toán



Phạm Tuyên  
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 7 năm 2020



**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP tiền thân là Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, được thành lập theo Quyết định số 862 NN-TCCB/QĐ ngày 21/06/1996 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn trên cơ sở sắp xếp lại các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Tổng Công ty được chuyển đổi thành Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP theo Quyết định số 1893/QĐ-TTg ngày 14/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100104443 đăng ký lần đầu ngày 30/06/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 13 tháng 03 năm 2020.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: số 519 Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 là 14 người (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 21 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty là sản xuất chăn nuôi, chế biến và kinh doanh các sản phẩm chăn nuôi.

Hoạt động chính của Tổng Công ty và công ty con là chăn nuôi lợn và kinh doanh các sản phẩm phục vụ chăn nuôi; kinh doanh thương mại, dịch vụ.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu	Sơn La	51,00%	51,00%	Chăn nuôi Bò sữa, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm liên quan đến sữa bò
Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu súc sản Gia cầm Hải Phòng	Hải Phòng	30,00%	30,00%	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt; Dịch vụ hỗ trợ cho vận tải
Công ty Cổ phần Phát triển Giống gia súc Miền Trung	Khánh Hòa	33,75%	33,75%	Cung ứng tinh bò đồng lịnh; cung ứng giống bò
Công ty Cổ phần An Đại Việt	Hồ Chí Minh	34,84%	34,84%	Kinh doanh con giống, thức ăn gia súc vật tư thiết bị chăn nuôi
Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội	Hà Nội	36,00%	36,00%	Sản xuất, cung ứng các sản phẩm premix phục vụ hoạt động chăn nuôi
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Chăn nuôi Đồng Á	Hồ Chí Minh	35,02%	35,02%	Chăn nuôi lợn; sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản



**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng**

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 đã được soát xét.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ KỶ KẾ TOÁN****Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng này được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính****Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết



quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

#### **Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

#### **Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết**

##### **Đầu tư vào công ty con**

Công ty con là các công ty do Tổng Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

##### **Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết theo giá gốc. Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Tổng Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập theo quy định kế toán hiện hành.

##### **Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

#### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### **Hàng tồn kho**



Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b>Số năm</b>
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 12
Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	5 - 6
Thiết bị văn phòng	3 - 6
Tài sản cố định khác	3 - 6

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.



**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Tiền mặt	111.682.087	133.611.242
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.505.104.681	138.514.013.324
	<b><u>2.616.786.768</u></b>	<b><u>260.058.498.363</u></b>

**5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 phản ánh các khoản tiền gửi tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và thời hạn thu hồi còn lại dưới 12 tháng kể từ thời điểm kết thúc kỳ hoạt động với lãi suất từ 7,3%/năm đến 7,7%/năm.

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Phát triển TNS Việt Nam	532.179.120	224.583.333
Công ty Cổ phần XNK Vật liệu Xây dựng Cát Linh	239.000.000	239.000.000
Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc châu	179.673.812	169.776.530
Các khách hàng khác	101.171.722	179.820.090
	<b><u>1.052.024.654</u></b>	<b><u>813.179.953</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<b>Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b> (Chi tiết tại Thuyết minh số 24)	<b><u>179.673.812</u></b>	<b><u>169.776.530</u></b>

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>30/06/2020</u>		<u>01/01/2020</u>	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	15.018.794.521	-	13.635.021.527	-
Phải thu về khoản chăn nuôi của người lao động	1.107.018.256	(1.064.283.618)	1.107.018.256	(1.064.283.618)
Phải thu về cổ tức Công ty Cổ phần Giống vật nuôi và Cây trồng Đồng Giao	728.800.000	-	728.800.000	-
Phải thu Công ty Cổ phần An Đại Việt về cổ tức	-	-	644.358.920	-
Phải thu về cổ tức Công ty CP Giống bò sữa Mộc Châu	-	-	34.068.164.000	-
Phải thu khác	1.242.333.201	-	163.037.300	-
	<b><u>18.096.945.978</u></b>	<b><u>(1.064.283.618)</u></b>	<b><u>50.346.400.003</u></b>	<b><u>(1.064.283.618)</u></b>
<b>Phải thu khác là các bên liên quan</b> (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 24)	-	-	<b>34.796.964.000</b>	-

**8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu kỳ	123.593.610.156	25.254.415.004	3.051.437.890	132.701.454	152.032.164.504
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	123.593.610.156	25.254.415.004	3.051.437.890	132.701.454	152.032.164.504
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu kỳ	105.862.442.489	17.071.959.927	2.413.018.283	132.701.454	125.480.122.153
Khấu hao trong năm	(117.538.494)	1.598.173.633	135.471.453	-	1.616.106.592
Số dư cuối kỳ	105.744.903.995	18.670.133.560	2.548.489.736	132.701.454	127.096.228.745
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Số dư đầu kỳ	17.731.167.667	8.182.455.077	638.419.607	-	26.552.042.351
Số dư cuối kỳ	17.848.706.161	6.584.281.444	502.948.154	-	24.935.935.759

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 là 74.606.418.430 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 58.505.683.112 VND).

**9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư vào công ty con</b>				
Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu	273.674.217.765	-	273.674.217.765	-
	<b>273.674.217.765</b>	<b>-</b>	<b>273.674.217.765</b>	<b>-</b>
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>				
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Chăn nuôi Đông Á	11.035.284.098	(3.708.573.357)	11.035.284.098	(3.408.995.977)
Công ty Cổ phần An Đại Việt	8.972.667.170	(8.972.667.170)	8.972.667.170	(8.972.667.170)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu súc sản Gia cầm Hải Phòng	4.614.583.308	(4.614.583.308)	4.614.583.308	(3.436.308.568)
Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội	3.318.973.219	-	3.318.973.219	-
Công ty Cổ phần Phát triển Giống gia súc Miền Trung	861.183.119	-	861.183.119	-
Công ty Cổ phần Gà giống Châu Thành	-	-	1.573.869.086	(1.573.869.086)
Công ty Cổ phần Giống vật nuôi và Cây trồng Đồng Giao	-	-	2.392.638.008	(2.392.638.008)
Công ty Cổ phần Giống & Vật tư chăn nuôi Bắc Trung Bộ	-	-	655.437.752	-
	<b>28.802.690.914</b>	<b>(17.295.823.835)</b>	<b>33.424.635.760</b>	<b>(19.784.478.809)</b>
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>				
Công ty Cổ phần Chăn nuôi chế biến Xuất nhập khẩu	4.685.428.501	(4.685.428.500)	4.685.428.501	(4.685.428.501)
Công ty Cổ phần Sữa Đà Lạt	7.467.100.000	-	7.467.100.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển & Xuất nhập khẩu Gia Cầm	-	-	2.616.885.131	-
Công ty Cổ phần Thức ăn chăn nuôi Trung Ương	17.609.383.826	(5.825.462.932)	17.609.383.826	(4.242.828.415)
	<b>29.761.912.327</b>	<b>(10.510.891.432)</b>	<b>32.378.797.458</b>	<b>(8.928.256.916)</b>

Tổng công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc kì kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.



**10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2020	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2020
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Các khoản phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.090.322.341	2.090.322.341	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	251.650	-	-	251.650
Tiền thuế đất	-	-	10.090.070	10.090.070
	<b>2.090.573.991</b>	<b>2.090.322.341</b>	<b>-</b>	<b>10.341.720</b>
<b>b. Các khoản phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	105.357.923	159.145.131	190.507.929	73.995.125
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	323.500.827	-	323.500.827
Thuế thu nhập cá nhân	651.279.000	509.735.805	735.841.659	425.173.146
Tiền thuế đất	635.459.304	1.820.193.901	1.804.113.709	651.539.496
Các loại thuế khác	-	7.836.000	7.836.000	-
	<b>1.392.096.227</b>	<b>2.820.411.664</b>	<b>2.738.299.297</b>	<b>1.474.208.594</b>

**11. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>a) Phải trả ngắn hạn khác</b>		
Phải trả Công ty Nissui Tokyo về tiền nhập khẩu ủy thác	3.641.514.300	3.641.514.300
Phải trả Bộ NN&PTNT về khoản vay quỹ khoa học	1.857.191.000	1.857.191.000
Kinh phí công đoàn	132.437.200	140.180.280
Phải trả về cổ phần hoá	79.100.000	79.100.000
Phải trả khác cho Cán bộ Công nhân viên	57.614.228	57.614.228
Phải trả cho cổ đông về cổ tức	19.526.250	2.426.250
Các khoản phải trả khác	308.097.909	162.344.239
	<b>6.095.480.887</b>	<b>5.940.370.297</b>
<b>b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>		
Phải trả Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về khoản vay quỹ khoa học	1.857.191.000	1.857.191.000
Phải trả Công ty Nissui Tokyo về tiền nhập khẩu ủy thác	3.641.514.300	3.641.514.300
	<b>5.498.705.300</b>	<b>5.498.705.300</b>

**12. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Dự phòng phải trả về tiền thuê đất	1.431.755.520	1.145.598.720
	<b><u>1.431.755.520</u></b>	<b><u>1.145.598.720</u></b>

Dự phòng tiền thuê đất đang được tạm tính theo đơn giá do UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành cho giai đoạn từ tháng 07 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, do khu đất đang sử dụng chưa có hợp đồng thuê và thông báo nộp tiền thuê đất làm căn cứ xác nhận nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước.

**13. QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI**

Đến thời điểm 30 tháng 6 năm 2020, Tổng công ty đã thực hiện trích bổ sung Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHCĐ ngày 15 tháng 2 năm 2020.

**14. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chứa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>01/01/2019</b>	<b>631.010.000.000</b>	<b>20.295.544.659</b>	<b>94.088.291.667</b>	<b>745.393.836.326</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	50.092.459.340	50.092.459.340
<b>30/06/2019</b>	<b>631.010.000.000</b>	<b>20.295.544.659</b>	<b>144.180.751.007</b>	<b>795.486.295.666</b>
<b>01/01/2020</b>	<b>631.010.000.000</b>	<b>31.575.087.921</b>	<b>164.288.498.115</b>	<b>826.873.586.036</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	61.347.993.651	61.347.993.651
Phân phối lợi nhuận (*)	-	9.275.929.288	(9.275.929.288)	-
Chia cổ tức năm 2019 (*)	-	-	(37.860.600.000)	(37.860.600.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	(5.565.557.570)	(5.565.557.570)
<b>30/06/2020</b>	<b>631.010.000.000</b>	<b>40.851.017.209</b>	<b>172.934.404.908</b>	<b>844.795.422.117</b>

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHCĐ ngày 15 tháng 2 năm 2020, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc trả cổ tức năm 2019 cho cổ đông hiện hữu số tiền 37.860.600.000 đồng (đã chi trả cho các cổ đông trong tháng năm 2020). Đồng thời trích lập quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận sau thuế năm 2019 với tỷ lệ 10% tương ứng với số tiền 9.275.929.288 đồng và quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2019 với tỷ lệ 6% tương ứng với số tiền 5.565.557.570 đồng.

**Cổ phiếu**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, số cổ phiếu của Tổng Công ty đang lưu hành là 63.101.000.

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.



**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ năm ngày 05 tháng 10 năm 2016, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 631.010.000.000 VND và các cổ đông đã góp vốn đủ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020.

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn đã góp			
			30/06/2020		01/01/2020	
	VND	%	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần GTNFoods	470.031.360.000	74,49	470.031.360.000	74,49	470.031.360.000	74,49
Các cổ đông khác	160.978.640.000	25,51	160.978.640.000	25,51	160.978.640.000	25,51
	<b>631.010.000.000</b>	<b>100</b>	<b>631.010.000.000</b>	<b>100</b>	<b>631.010.000.000</b>	<b>100</b>

**15. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	6 tháng năm 2020	6 tháng năm 2019
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	2.330.023.026	1.650.457.851

Tại ngày kết thúc kì kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Trong vòng một năm	4.194.103.128	3.300.915.701
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	10.768.289.753	13.203.662.804
Trên 5 năm	59.832.525.618	62.564.016.154
	<b>74.794.918.499</b>	<b>79.068.594.659</b>

Để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, Tổng Công ty đã ký các hợp đồng thuê đất với thời gian thuê dài hạn, trả tiền thuê đất hàng năm với UBND Thành phố Hà Nội, UBND tỉnh Vĩnh Phúc, UBND tỉnh Hưng Yên và UBND Thành phố Hồ Chí Minh.

**16. DOANH THU**

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu bán thành phẩm, sản phẩm chăn nuôi	-	12.897.000.500
Doanh thu bán hàng	-	991.311.638
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.720.057.229	1.608.163.606
	<b>1.720.057.229</b>	<b>15.496.475.744</b>
<b>Doanh thu phát sinh trong kỳ với các bên liên quan</b> (chi tiết trình bày tại Quyết minh số 23)	<b>305.725.259</b>	<b>297.500.000</b>

**17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>6 tháng năm 2020</u>	<u>6 tháng năm 2019</u>
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm, sản phẩm chăn nuôi	-	13.554.462.691
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	721.720.633
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.115.067.421	900.941.754
	<b>1.115.067.421</b>	<b>15.177.125.078</b>
<b>18. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ</b>		
	<u>6 tháng năm 2020</u>	<u>6 tháng năm 2019</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	15.977.229.854
Chi phí nhân công	1.582.578.071	3.299.668.618
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.616.106.592	1.619.934.028
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.848.635.508	3.560.504.305
Hoàn nhập dự phòng	(1.700.000.000)	-
Chi phí khác bằng tiền	2.484.431.480	2.118.818.199
	<b>5.831.751.651</b>	<b>26.576.155.004</b>
<b>19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
	<u>6 tháng năm 2020</u>	<u>6 tháng năm 2019</u>
	VND	VND
Cổ tức lợi nhuận được chia	51.167.046.000	43.735.509.500
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	16.837.381.195	10.038.574.419
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư	255.812.248	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	100.000	-
	<b>68.260.339.443</b>	<b>53.774.083.919</b>
<b>20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>		
	<u>6 tháng năm 2020</u>	<u>6 tháng năm 2019</u>
	VND	VND
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	3.060.486.636	702.643.544
Lỗ bán cổ phần công ty liên kết	1.645.018.139	-
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	(3.966.507.094)	-
Hoàn nhập dự phòng phải thu về cho vay	-	(150.000.000)
Lãi tiền vay	-	623.287.671
	<b>738.997.681</b>	<b>1.175.931.215</b>
<b>21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP</b>		
	<u>6 tháng năm 2020</u>	<u>6 tháng năm 2019</u>
	VND	VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân công	1.582.578.071	2.366.175.551
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.301.552.873	21.808.837
Thuế, phí và lệ phí	1.391.687.495	717.282.958
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.515.107.463	1.429.787.516
Hoàn nhập dự phòng	(1.700.000.000)	-
Chi phí khác bằng tiền	625.758.328	530.395.672
	<b>4.716.684.230</b>	<b>5.065.450.534</b>



**22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong kì được tính như sau:

	<b>6 tháng năm 2020</b>	<b>6 tháng năm 2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.413.823.168	963.425.943
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>2.413.823.168</b>	<b>963.425.943</b>
	<b>6 tháng năm 2020</b>	<b>6 tháng năm 2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận trước thuế	63.788.862.379	51.082.930.841
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế (Cổ tức thu từ Công ty con)	51.167.046.000	43.735.509.500
Cộng: các khoản chi phí không được trừ	1.290.883.072	120.604.590
Hoàn nhập chi phí không được trừ năm trước	1.573.869.086	
Chuyển lỗ	269.714.526	2.650.896.215
<b>Thu nhập chịu thuế TNDN hiện hành</b>	<b>12.069.115.839</b>	<b>4.817.129.716</b>
<b>Trong đó:</b>		
- Thu nhập chịu thuế suất thông thường 20%	12.069.115.839	4.817.129.716
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành</b>	<b>2.413.823.168</b>	<b>963.425.943</b>
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>2.413.823.168</b>	<b>963.425.943</b>

**23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN**

*Danh sách các bên liên quan có số dư và giao dịch chủ yếu trong năm với Tổng Công ty:*

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty Cổ phần sữa Việt Nam	Công ty mẹ cuối cùng
Công ty Cổ phần GTNFoods	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu	Công ty con
Công ty Cổ phần Phát triển Giống gia súc Miền Trung	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần An Đại Việt	Công ty liên kết

*Trong kỳ, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	6 tháng năm 2020	6 tháng năm 2019
	VND	VND
<b>Bán hàng</b>		
Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu	305.725.259	297.500.000
	<b>305.725.259</b>	<b>297.500.000</b>
<b>Cổ tức được chia</b>		
Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu	85.170.410.000	-
Công ty Cổ phần phát triển Giống gia súc Miền Trung	64.800.000	56.700.000
	<b>85.235.210.000</b>	<b>56.700.000</b>
<b>Chia cổ tức</b>		
Công ty Cổ phần GTNFoods	28.201.881.600	-
	<b>28.201.881.600</b>	-

	6 tháng năm 2020	6 tháng năm 2019
	VND	VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc	301.000.000	810.720.000

*Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ hoạt động như sau:*

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
<b>Các khoản phải thu</b>		
Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu	179.673.812	169.776.530
	<b>179.673.812</b>	<b>169.776.530</b>
<b>Phải thu tiền cổ tức</b>		
Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu	-	34.068.164.000
Công ty Cổ phần An Đại Việt	-	644.358.920
	-	<b>34.712.522.920</b>



**Hoàng Thị Hà**  
Phụ trách kế toán



**Phạm Tuyên**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 29 tháng 7 năm 2020